

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 5 năm 2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DK - TỈNH KHÁNH HÒA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Mai Phương
Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Văn Trân
bà Trần Thị Hoa

- *Thư ký phiên tòa:* bà Võ Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện DK - Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK - Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* ông Nguyễn Thành Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DK - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 84/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/4/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Trần Thị Thu H - sinh năm 1971
Nơi ĐKNKTT: thôn 2 - xã DP - huyện DK - Khánh Hòa.
Chỗ ở hiện nay: thôn Đại Điền Trung - xã DĐ - huyện DK - Khánh Hòa
Có mặt tại phiên tòa.
2. *Bị đơn:* ông Nguyễn Văn C - sinh năm 1969
Trú tại: thôn 2 - xã DP - huyện DK - Khánh Hòa.
Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/02/2018 và bản tự khai ngày 22/3/2018, nguyên đơn bà Trần Thị Thu H trình bày: năm 1995, bà và ông Nguyễn Văn C tự nguyện yêu thương nhau về sống chung nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp nhiều mặt trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã làm cho không khí gia đình luôn căng thẳng. Từ tháng 6/2017 đến nay, bà và ông C không còn sống chung nên bà xin được ly hôn với ông C. Con chung: có 01 con chung là Nguyễn Thành P (sinh ngày 16/9/1996). Con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh

nên bà không có yêu cầu gì. Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 28/3/2018, bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Thống nhất hoàn toàn như ý kiến bà H. Hiện nay, ông và bà H không còn sống chung với nhau nữa nên ông đồng ý ly hôn. Con chung: ông bà có 01 con chung là Nguyễn Thành P (sinh ngày 16/9/1996). Con chung đã trưởng thành và khỏe mạnh, ông không có yêu cầu gì. Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông C; con chung đã trưởng thành và khỏe mạnh nên bà không có yêu cầu gì; tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có. Bị đơn ông C thống nhất với toàn bộ yêu cầu của bà H.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Do bà H và ông C sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận bà H, ông C là vợ chồng. Về con chung: bà H, ông C có một con chung sinh năm 1996 đã trưởng thành và ông bà cũng không có yêu cầu gì. Về tài sản chung: bà H, ông C tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân: Bà H và ông C sống chung với nhau từ năm 1995 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông C là không hợp pháp. Do đó, Tòa án không công nhận bà H và ông C là vợ chồng.

[2] Con chung: Quá trình sống chung, bà H và ông C có 01 con chung là Nguyễn Thành P (sinh ngày 16/9/1996). Cháu Phước đã trưởng thành, khỏe mạnh, bà H, ông C không có yêu cầu gì.

[3] Tài sản chung: bà H, ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[4] Nợ chung: không có.

[5] Về án phí: bà H nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 14, 15 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không công nhận bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn Văn C là vợ chồng.

Về con chung: Bà H và ông C có 01 con chung là Nguyễn Thành P (sinh ngày 16/9/1996). Con chung đã trưởng thành và khỏe mạnh, bà H và ông C không có yêu cầu.

Tài sản chung: Bà H, ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này, bà H, ông C có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

2. Về án phí: bà Trần Thị Thu H nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0018647 ngày 13/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện DK - Khánh Hòa. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do Ch đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện DK;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện DK;
- UBND xã DP (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Mai Phương